

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

(Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp Đạt/ Không đạt)

1. Giải pháp và mức độ đáp ứng vật liệu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Các loại vật tư, vật liệu chính: Đất đắp san nền; Xi măng, sắt thép, cát, đá; gạch bê tông không nung, gạch ốp, lát; Gạch Terrazzo; tôn lợp; sơn; cửa đi, cửa sổ, vách kính; dây điện và thiết bị điện, nước, vệ sinh.	Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị sản xuất hoặc mua bán cho gói thầu này. Kèm theo hợp đồng nguyên tắc là: + Đối với vật tư, vật liệu: Xi măng; gạch bê tông không nung; gạch ốp, lát; sắt thép, tôn lợp; dây điện, thiết bị điện, nước, vệ sinh ngoài hợp đồng nguyên tắc, đăng ký kinh doanh nhà thầu phải đính kèm thêm giấy chứng nhận hợp quy hoặc chứng chỉ chất lượng sản phẩm hoặc chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất. +Đối với đất đắp san nền: Nhà thầu phải kèm theo đăng ký kinh doanh, giấy phép khai thác (Quyết định cấp phép khai thác) của điểm mỏ còn thời hạn. + Đối với các vật liệu khác: Giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị sản sản xuất, kinh doanh. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu có chức năng sản xuất hoặc kinh doanh vật liệu, thiết bị đó thì cung cấp tài liệu chứng minh.	Đạt
	Không có một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
1.2 Biện pháp quản lý sử dụng vật tư, vật liệu, thiết bị cho thi công công trình	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng và không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt

	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
--	--	------------------

2. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn phạm vi công trường, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc, vệ sinh an toàn lao động và PCCC trong quá trình thi công (bao gồm thuyết minh, bản vẽ).	Trình bày cơ bản đầy đủ, chi tiết, hợp lý, phù hợp với điều kiện, giải pháp, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không trình bày hoặc trình bày không phù hợp	Không đạt
2.2. Nơi làm việc của ban chỉ huy công trường, tại đây sẽ niêm yết bảng tiến độ, danh sách BCH công trường và các tài liệu liên quan khác.	Vị trí đặt trụ sở Ban chỉ huy công trường phải đảm bảo đủ điều kiện để bao quát quản lý công trường. Ban chỉ huy công trường phải cam kết được trang bị đầy đủ các thiết bị như máy tính, máy in, các thiết bị đo đạc, thí nghiệm và các trang thiết bị cần thiết khác.	Đạt
	Không bố trí hoặc bố trí không hợp lý về vị trí đặt trụ sở Ban chỉ huy công trường hoặc không được trang bị đầy đủ các thiết bị như máy tính, máy in, các thiết bị đo đạc, thí nghiệm và các trang thiết bị cần thiết khác.	Không đạt
2.3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công công trình	Có giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục chính theo trình tự, phù hợp với bản vẽ thiết kế thi công, tiến độ thi công; tuân thủ theo các quy định hiện hành và yêu cầu của E-HSMT.	Đạt

	Không có giải pháp và biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục chính hoặc có nhưng không theo trình tự, không phù hợp với bản vẽ thiết kế thi công, tiến độ thi công và không tuân thủ theo các quy định hiện hành và yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chí chi tiết trên đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Tiến độ thi công:	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 360 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 360 ngày	Không đạt
3.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công. b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
3.3. Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Có Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có Biểu đồ tiến độ thi công hoặc có Biểu đồ tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt

	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
--	--	------------------

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công các hạng mục.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; không tuân thủ các quy định hiện hành.	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không Hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công; không tuân thủ theo các quy định hiện hành. .	Không đạt
4.3. Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn (LAS XD)	Nhà thầu sở hữu hoặc có hợp đồng nguyên tắc thuê phòng thí nghiệm (LAS XD) được Bộ Xây dựng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và còn hiệu lực.	Đạt
	Nhà thầu không sở hữu hoặc không có hợp đồng nguyên tắc thuê phòng thí nghiệm (LAS XD) được Bộ Xây dựng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc giấy chứng nhận hết hiệu lực, bị đình chỉ hiệu lực	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là	Đạt

	đạt.	
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành. .	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; không tuân thủ theo các quy định hiện hành. .	Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; không tuân thủ theo các quy định hiện hành	Không đạt
5.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói,	

biện pháp tổ chức thi công.	bụi; kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, kiểm soát rác thải... trên công trường đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.	
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không tuân thủ theo các quy định hiện hành. Không có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi; kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, kiểm soát rác thải... trên công trường đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành hoặc có nhưng không phù hợp theo các quy định hiện hành.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. Bảo hành :

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
6.2. Cam kết khắc phục sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết trong thời gian bảo hành.	Nhà thầu có cam kết bằng văn bản	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết theo yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt

	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
--	--	------------------

7. Uy tín của nhà thầu từ thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 04 năm (2022, 2023, 2024, 2025) theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Có bản cam kết của nhà thầu về việc không vi phạm các quy định của pháp luật dẫn đến phải hủy thầu hoặc đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu theo nghị định 214/2025/NĐ-CP.	Đạt
	Không có bản cam kết hoặc phát hiện nhà thầu vi phạm các quy định của pháp luật dẫn đến phải hủy thầu hoặc đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu theo nghị định 214/2025/NĐ-CP.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí 7.1 được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chí 7.1 được xác định là không đạt.	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt